

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý 3 năm 2012

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Quý 3		Lũy kế đến cuối quý này	
			năm 2012	năm 2011	năm 2012	năm 2011
1	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.20	648.157.980.243	796.552.143.655	1.625.111.902.532	1.887.758.304.150
2	2. Các khoản giảm trừ	VI.21	841.897.052	357.752.073	2.257.181.985	357.752.073
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.22	647.316.083.191	796.194.391.582	1.622.854.720.547	1.887.400.552.077
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.23	521.219.376.130	554.369.389.500	1.235.559.871.997	1.239.849.866.709
20	5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ		126.096.707.061	241.825.002.082	387.294.848.550	647.550.685.368
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.24	15.639.320.838	16.988.789.207	37.682.472.992	48.246.832.038
22	7. Chi phí tài chính	VI.25	4.137.805.594	4.374.713.846	5.043.844.566	29.454.136.923
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		3.742.722.539	4.341.626.950	7.231.135.950	15.870.470.907
24	8. Chi phí bán hàng		7.778.736.661	5.629.970.007	15.291.757.035	14.109.075.055
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		31.924.787.057	33.965.420.871	64.738.456.336	62.495.753.344
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		97.894.698.587	214.843.686.565	339.903.263.605	589.738.552.084
31	11. Thu nhập khác		29.029.719.082	16.702.292.845	151.442.640.611	51.630.112.067
32	12. Chi phí khác		4.597.811.904	4.962.760.833	23.340.020.717	13.412.300.016
40	13. Lợi nhuận khác		24.431.907.178	11.739.532.012	128.102.619.894	38.217.812.051
45	14. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh		1.820.222.643	1.294.847.614	4.450.922.872	7.457.651.687
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		124.146.828.408	227.878.066.191	472.456.806.371	635.414.015.822
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.26	579.201.772	57.138.162.988	87.495.153.889	154.804.431.400
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	VI.27	2.591.144.791	0	468.764.392	661.275.041
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		120.976.481.845	170.739.903.203	384.492.888.090	479.948.309.381
61	18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số		721.204.277	464.117.646	3.359.817.261	1.896.029.330
62	18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		120.255.277.568	170.275.785.557	381.133.070.829	478.052.280.051
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.28	1.523	2.151	4.826	6.000



Người lập biểu
Trần Hoàng Giang

Kế toán trưởng
Dương Văn Khen

Tổng Giám đốc
Nguyễn Văn Tân